

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2018

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số xx/1, ấp V, xã P, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Có mặt”

Bị đơn: Bà Trần Thị Nh, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số xx/1, ấp V, xã P, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.
“Vắng mặt; có đơn xin vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Đình D trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đình D và bà Trần Thị Nh qua một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân vào năm 1998, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 14/10/1998. Sau khi kết

hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Nh cờ bạc, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Ông D đã nhiều lần khuyên bảo bà Nh, nhưng không được, bà Nh vẫn chứng nào tật ấy. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay và trong thời gian này thì vợ chồng cũng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay ông D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có cách nào để níu kéo hôn nhân để vợ chồng trở về sống chung đoàn tụ, nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nh.

Về con chung: Ông Nguyễn Đình D và bà Trần Thị Nh có 02 người con chung tên là Nguyễn Đình T, sinh ngày 26/8/1999 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 25/11/2006. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi ly thân, ông D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, khi ly hôn ông D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Tr và không yêu cầu bà Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 06/3/2018, bị đơn bà Trần Thị Nh trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Nh và ông Nguyễn Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 14/10/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Nh và ông D đã sống ly thân nhau 06 tháng. Nay bà Nh xác định quan hệ hôn nhân của bà và ông D không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng và không thể trở về sống chung nên đồng ý ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà Trần Thị Nh và ông Nguyễn Đình D có 02 người con chung tên là Nguyễn Đình T, sinh ngày 26/8/1999 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 25/11/2006. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do cháu Tr có nguyện vọng ở với ông D nên bà Nh đồng ý giao cháu Tr cho ông D nuôi dưỡng.

Do bận công việc, không có thời gian đến Tòa án làm việc, nên ngày 06/3/2018 bà Nh làm đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Đình D được ly hôn bà Trần Thị Nh và giao cháu Nguyễn Thị Thanh Tr cho ông Nguyễn Đình D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Ông Nguyễn Đình D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Trần Thị Nh, sinh năm 1972 có nơi cư trú tại ấp V, xã P, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc vắng mặt của đương sự*: Ngày 06/3/2018, bà Trần Thị Nh làm đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thị Nh theo luật định.

[3]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/98, ngày 14/10/1998 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân của ông Nguyễn Đình D và bà Trần Thị Nh là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau và không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên cãi vã dẫn đến đời sống chung của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt kinh tế cũng như tình cảm. Ông Nguyễn Đình D và bà Trần Thị Nh cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và hôn nhân không còn hạnh phúc nên cùng thống nhất ly hôn. Xét thấy hôn nhân của ông Nguyễn Đình D và bà Trần Thị Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Đình D ly hôn bà Trần Thị Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Nguyễn Đình D và bà Trần Thị Nh có 02 người con chung tên là Nguyễn Đình T, sinh ngày 26/8/1999 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 25/11/2006. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thanh Tr: Khi ly hôn ông D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Tr, không yêu cầu bà Nh phải cấp dưỡng nuôi con và bà Nh đồng ý nhường quyền trực tiếp nuôi cháu Tr cho ông D.

Hội đồng xét xử thấy rằng, khi giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét nguyện vọng của con đủ 07 tuổi và điều kiện phát triển về mọi mặt của con. Hiện nay cháu Tr đang sống với ông D và có nguyện vọng được ở với ông D khi ông D và bà Nh ly hôn. Vì vậy, giao cháu Tr cho ông D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đình D không yêu cầu bà Trần Thị Nh phải cấp dưỡng nuôi con, nên bà Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. *Về tài sản và nợ chung*: Ông Nguyễn Đình D và bà Trần Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn Đình D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Đình D được ly hôn bà Trần Thị Nh.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 25/11/2006 cho ông Nguyễn Đình D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Nh có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Ông Nguyễn Đình D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007332 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Nguyễn Đình D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã P, huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy